

PHRT

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 566 /SYT-KHTC

An Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Tờ trình và
Nghị quyết Hội đồng nhân dân
tỉnh quy định chế độ công tác phí,
chế độ chi hội nghị trên địa bàn
tỉnh An Giang

UBND TỈNH AN GIANG THÀNH
Số: 180
Ngày: 31/7/2025
huyền:.....
mã hồ sơ số:.....

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Thực hiện Công văn số 661/STC-QLNS ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Tờ trình và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nội dung dự thảo được Sở Tài chính xây dựng trên cơ sở Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và tình hình thực tế của địa phương gửi các cơ quan, đơn vị và các địa phương tham gia ý kiến góp ý.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiên cứu nội dung dự thảo và có ý kiến góp ý gửi về Sở Y tế **chậm nhất đến ngày 06/8/2025** để tổng hợp gửi Sở Tài chính.

Sau thời gian này, nếu đơn vị không có văn bản góp ý thì xem như đã thống nhất nội dung dự thảo (*Đính kèm dự thảo*).

Sở Y tế đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Các phòng của Sở Y tế (phối hợp góp ý);
- VPĐT, KHTC;
- Lưu: VT, vtpoanh.

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Hiền

Số: /TTr-UBND

An Giang, ngày ... tháng ... năm 2025

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung Luật số 87/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Chế độ công tác phí và chế độ hội nghị hiện đang được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định như sau:

“3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp”.

Theo quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực tài chính, theo đó tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND quy định Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ. Đồng thời, tại Điều 2 Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND cũng đã quy định bãi bỏ Nghị

quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

c) Đến ngày 19 tháng 3 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 12/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Thông tư số 12/2025/TT-BTC đã điều chỉnh nhiều nội dung liên quan đến công tác phí, phụ cấp lưu trú, mức chi hội nghị.

Mặt khác, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Luật số 87/2025/QH15) yêu cầu các địa phương chủ động ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền, đúng quy trình và đúng hình thức.

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã triển khai thực hiện gần 8 năm, thực tiễn triển khai cho thấy một số mức chi chưa phù hợp với điều kiện địa phương và yêu cầu công tác trong giai đoạn hiện nay, nhất là trong việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Ngoài ra, Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC, nhằm điều chỉnh mức chi công tác phí và chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang là phù hợp và cần thiết trong bối cảnh tình hình giá cả, chi phí sinh hoạt tăng cao, yêu cầu nhiệm vụ công tác ngày càng cao hơn, đồng thời khắc phục một số bất cập trong quá trình thực hiện chế độ công tác phí và chi tổ chức hội nghị trước đây.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.
- c) Tăng cường hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo tính minh bạch, tiết kiệm và công khai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ

chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Sở Tài chính đã có Công văn số 467/STC-QLNS ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký Tờ trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang và Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang gửi Sở Tư pháp tổng hợp để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang, gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan, đơn vị và địa phương góp ý tại Công văn số /STC-QLNS ngày tháng 7 năm 2025, đồng thời đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến theo quy định.

Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu và giải trình ý kiến đóng góp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan, đơn vị địa phương, ngày tháng ... năm 2025, Sở Tài chính có Công văn số/STC-HCSN gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Ngày tháng ... năm 2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số /BC-.... về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Ngày tháng ... năm 2025, Sở Tài chính có Báo cáo số/BC-STC về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2025.

- Nội dung dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang đều được các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thảo luận, tham gia ý kiến và thống nhất thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà

nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Bộ cục

Ngoài phần căn cứ, dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 6 Điều, như sau:

a) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

b) Điều 2. Chế độ công tác phí.

c) Điều 3. Chế độ chi hội nghị.

d) Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện.

đ) Điều 5. Điều khoản thi hành.

e) Điều 6. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Theo dự thảo Nghị quyết đính kèm.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Về dự kiến nguồn lực:

Chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đến nay đã gần 08 năm. Theo đó, trên cơ sở đánh giá, tình hình thực tế của địa phương trong thời gian qua và khả năng cân đối ngân sách, mức chi công tác phí và chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định kỳ này bằng với mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính, tăng bình quân từ 40% đến 50% so với mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang. Các mức chi đề xuất kỳ này cơ bản cũng tương đồng với các tỉnh lân cận.

Theo đó, ngân sách nhà nước đảm bảo được nguồn kinh phí thực hiện chế độ hàng năm theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ triển khai Nghị quyết trên địa bàn toàn tỉnh để thực hiện kịp thời.

3. Thời gian trình Thông qua Nghị quyết: Tại kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân năm 2025

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không có.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang; (2) Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2025 của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo của Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp và các văn bản liên quan; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Sở: TP; TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /2025/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với chế độ công tác phí:

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ hợp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006); kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

c) Riêng Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, kỳ họp Quốc hội, họp Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Chế độ công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại:

a) Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

- Người đi công tác được thanh toán tiền chi phí đi lại bao gồm:

+ Chi phí chiều đi và về từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng đến nơi công tác và theo chiều ngược lại (giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ như: tham quan, du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu).

+ Chi phí đi lại tại địa phương nơi đến công tác: Từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về).

+ Cước, phí di chuyển bằng phương tiện đường bộ, đường thủy, đường biển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác.

+ Cước tài liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyên đi công tác mà người đi công tác đã chi trả.

+ Cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo.

- Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyên đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả;

- Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước như sau:

+ Hạng ghế thương gia dành cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên.

+ Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt: dành cho cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia.

Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông, các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia nhưng phải đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối kinh phí của cơ quan, đơn vị và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị để thực hiện.

+ Hạng ghế phổ thông: Dành cho các đối tượng còn lại.

- Đối với những vùng không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà người đi công tác phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này.

b) Thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác:

- Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 1 Điều này và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan, đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú:

a) Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác). Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác như sau:

- Đi công tác ngoài tỉnh: 300.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác trong tỉnh: Thanh toán trong trường hợp đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã, phường còn lại): 200.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày), thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác nhưng tối đa không vượt

quá 200.000 đồng/ngày/người và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác”.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Nguyên tắc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác:

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan, đơn vị cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế;

- Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền, thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ. Trường hợp phát hiện người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền nhưng vẫn đề nghị cơ quan, đơn vị cử đi công tác thanh toán tiền thuê phòng nghỉ, thì người đi công tác phải nộp lại số tiền đã được thanh toán cho cơ quan, đơn vị đồng thời phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán: 1.600.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

- Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 600.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 500.000 đồng/ngày/người.

c) Thanh toán theo hóa đơn thực tế: Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại điểm b khoản 3 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

d) Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hoả, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

4. Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng:

a) Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoản tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe với mức chi là 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Các đối tượng được hưởng khoản tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

5. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Chứng từ thanh toán công tác phí:

a) Giấy đi đường của người đi công tác có đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú).

b) Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt; công văn; giấy mời; văn bản trung tập tham gia đoàn công tác.

c) Hóa đơn; chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đi công tác bằng các phương tiện giao thông hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện.

d) Bảng kê độ dài quãng đường đi công tác trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt thanh toán (áp dụng khi thanh toán khoán chi phí đi lại).

đ) Hóa đơn, chứng từ thuê phòng nghỉ hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng khi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế).

e) Riêng hồ sơ thanh toán khoản kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác tại điểm a khoản 4 Điều này gồm: Chứng từ quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều này.

Điều 3. Chế độ chi hội nghị

1. Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị:

a) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên đối với các cuộc tập huấn, triển khai nghiệp vụ: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan do tính ban hành (nếu có).

b) Chi chi bồi dưỡng cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị (bài tham luận phải được thủ trưởng phê duyệt): mức chi tối đa là 500.000 đồng/báo cáo.

2. Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

3. Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại tỉnh do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức (kể cả cơ quan, đơn vị trực thuộc): 200.000 đồng/ngày/người;

b) Cuộc họp do cơ quan xã, phường, đặc khu tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

5. Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp:

Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này).

6. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

7. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

8. Đối với khoản chi khen thưởng thi đua trong cuộc họp tổng kết hàng năm, chi cho công tác tuyên truyền không được tính trong kinh phí tổ chức hội nghị, mà phải tính vào khoản chi khen thưởng, chi tuyên truyền của cơ quan, đơn vị.

9. Các khoản chi phí thuê mượn và các khoản chi khác phục vụ hội nghị:

a) Chi thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị.

b) Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị.

c) Chi thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu.

d) Các khoản chi khác: mua thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị theo quy định hiện hành.

10. Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị:

a) Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền cho người tham dự hội nghị theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn, chứng từ thanh toán.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.
2. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
3. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Các mức chi trên là mức chi tối đa, làm căn cứ để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định mức chi công tác phí, chi hội nghị trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị phải được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

3. Những khoản chi công tác phí, chi hội nghị không đúng theo quy định, khi kiểm tra phát hiện, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh tra, cơ quan Kiểm toán Nhà nước có quyền xuất toán và yêu cầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thu hồi nộp ngân sách nhà nước. Người ra lệnh chi sai phải bồi hoàn toàn bộ số tiền chi sai đó cho cơ quan, đơn vị, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

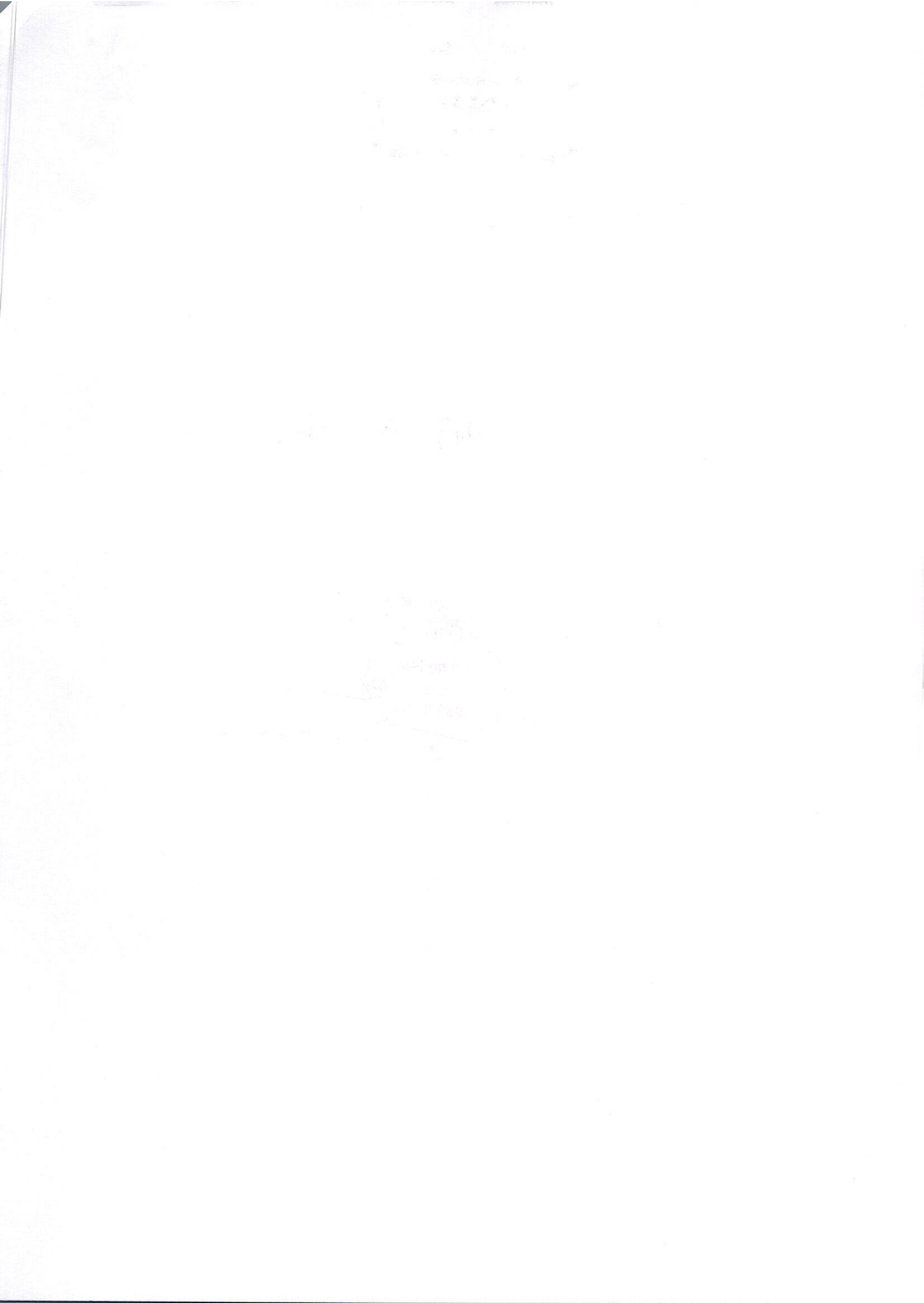
Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh AG, Báo AG, Đài PT-TH AG, Website tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 566/MT-KH.TC ngày, 30 tháng 7 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì: Phạm Kế Vinh
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);
- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);
- Ngày, 31 tháng 7 năm 2025 cho ý kiến phân phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);
- Ngày, ... tháng, ... năm ... cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;
- Ngày, ... tháng, ... năm ... đề xuất ý kiến